TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/HSST
Ngày: 07-7-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN-TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Toàn.

2. Ông Nguyễn Ron .

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Hoàng Hương Giang - Thư ký của Toà án nhân dân Tp. Quy Nhơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn***: Ông Bùi Thế Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 96/2023/HSST ngày 05.6.2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST-HS ngày 16.6.2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 76/HSST-QĐHPT, ngày 27.6.2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN ĐỨC T**, sinh năm 1985 tại tỉnh Bình Định; Nơi thường trú: Số B đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Trọng E, sinh năm 1961 và bà: Cù Thị H, sinh năm 1959; Vợ: Nguyễn Thị Thúy H1, sinh năm 1980; Có 01 người con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16.3.2023; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trịnh Đức T1, sinh năm 1982; Trú tại: Số E đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.(Vắng mặt)

Ông Trần Trọng E, sinh năm 1961; Trú tại: Số B đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do vay nợ tiền của nhiều người và không có khả năng trả nợ nên khoảng năm 2020, Trần Đức T tìm đến vay của anh Trịnh Đức T1 số tiền 150.000.000

đồng, có viết giấy vay và để lại cho anh T1 giữ 01 hợp đồng hoàn thiện căn hộ Lamer 1 tại phường Q, thành phố Q do Trần Đức T sở hữu để làm tin. Sau đó, T tiếp tục vay thêm của anh T1 nhiều lần nữa và số tiền lên đến 500.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 6 năm 2021, T xin anh T1 giảm lãi suất vay, đồng thời thấy số tiền vay lớn nên anh T1 yêu cầu T phải có tài sản khác lớn hơn để thế chấp. T nói dối với anh T1 về việc T có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ở nhà, sẽ đem đến đưa sau và có viết lại hợp đồng vay để gom tất cả những lần vay trước đó lại thành số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 28/6/2021 đưa cho anh T1 giữ. Sau đó, Trần Đức T lên mạng xã hội liên hệ với một thanh niên không rõ lai lịch, đưa thông tin đất tại Khu dân cư Đ sốt rét ký sinh trùng thuộc phường N, thành phố Q để người này làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Trần Đức T với giá 5.000.000 đồng. Khoảng 01 tháng sau, T nhận được giấy chứng nhận giả từ nhân viên giao hàng (không rõ lai lịch), T đem đến đưa cho anh T1 giữ để làm tin. Sau đó, T tiếp tục vay mượn thêm của anh T1 nhiều lần nữa với số tiền 600.000.000 đồng và viết giấy mượn số tiền trên vào ngày 06/02/2022. T trả lãi cho T1 được một thời gian thì không còn khả năng trả nữa nên đi vào nhà người thân ở thành phố Hồ Chí Minh chơi. T1 tìm đến nhà T đòi trước số tiền 600.000.000 đồng thì cha ruột T là ông Trần Trọng E (sinh năm: 1961; trú: Số B N, P. N, TP .) nhận trả thay cho T và đã trả xong khoản tiền này. Đối với số tiền 500.000.000 đồng, T thỏa thuận với anh T1 sẽ trả sau và anh T1 đồng ý. Đến khoảng tháng 11/2022, anh T1 mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên đến Văn phòng công chứng Trần Minh T3 tại số D N, TP . chứng thực thì phát hiện có dấu hiệu làm giả nên trình báo, giao nộp cho Công an P chuyển Cơ quan điều tra xử lý.Ngày 08/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 250/QĐ-CSĐT về việc giám định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi số CV 827375, ghi họ tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ông Trần Đức T, năm sinh 1985, CMND số 211895452, địa chỉ thường trú: 212A N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Ngày 16/12/2022, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Định ban hành Kết luận giám định số 490/KL-KTHS: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi số CV 827375, ghi họ tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ông Trần Đức T, năm sinh 1985, CMND số 211895452, địa chỉ thường trú: 212A N, thành phố Q, tỉnh Bình Định là giả.

Tại Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn,, Trần Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ của vụ án gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi số CV 827375, ghi họ tên người sử dụng dất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Trần Đức T, năm sinh 1985, CMND số 211895452, địa chỉ thường trú: 212A N, TP ., tỉnh Bình Định.

Về dân sự: Anh Trịnh Đức T1 và bị can Trần Đức T tự thỏa thuận vấn đề dân sự với nhau, không yêu cầu giải quyết.

- Tại bản cáo trạng số 102/CT-VKSQN ngày 05.6.2023 Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn truy tố bị cáo Trần Đức T về tội: "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Trần Đức T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Đức T về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 BLHS.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Đức T từ 06-09 tháng tù.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T5, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vì cần tiền làm ăn và nợ nần nên Trần Đức T có vay tiền của anh Trịnh Đức T1 để phục vụ công việc cá nhân của mình. Trần Đức T vay tiền và thực hiện trả nợ đúng hẹn, tuy nhiên do nhu cầu vay tiền tăng, để tạo lòng tin T đã lên mạng xã hội liên hệ với người không rõ lai lịch đặt làm một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Trần Đức T với giá 5.000.000 đồng, T sử dụng tài liệu giả này đến đưa cho anh T1 giữ và tiếp tục vay mượn nhiều lần và trả lãi.

Bị cáo Nguyễn Đức T có sức khỏe, năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhưng ý thức xem thường pháp luật, bị cáo đã sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất làm giả nói dối là thật làm cho anh Trịnh Đức T1 tiếp tục cho mượn số tiền 600.000.000 đồng. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn truy tố Nguyễn Đức T về tội: "Sử dụng tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi do bị cáo gây ra là nguy hiểm cha xã hội, đã xâm phạm đến trật tự Quản lý Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, hoạt động bình

thường của cơ quan Nhà nước và các tổ chức khác. Hành vi này còn tiếp tay cho các đối tượng xấu thực hiện các hành vi phạm tội ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực khác trong xã hội. Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thì thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, từ trước đến nay không vi phạm gì.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Bị cáo Trần Đức T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo có công việc, phải lao động nuôi con nhỏ, cha mẹ già thường xuyên đau bệnh, đồng thời có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, trong suốt quá trình tại ngoại, bị cáo chấp hành tốt các yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, thể hiện việc bị cáo có khả năng tự cải tạo bản thân nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù có điều kiện, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 BLHS, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên xem xét tính chất của vụ án và hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về dân sự: Anh Trịnh Đức T1 và bị can Trần Đức T tự thỏa thuận vấn đề dân sự với nhau, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Về phần xử lý vật chứng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi số CV 827375, ghi họ tên người sử dụng dất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Trần Đức T, năm sinh 1985, CMND số 211895452, địa chỉ thường trú: 212A N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, đây là chứng cứ quan trọng có trong hồ sơ vụ án nên HĐXX xét thấy cần tịch thu lưu kèm hồ sơ vụ án .

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Đức T bị kết án về tội: "Sử dụng tài liệu giải của cơ quan, tổ chức" nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về vấn đề khác: Đối với số tiền 500.000.000 đồng: T vay mượn nhiều lần và đã nhận tiền từ anh T1 trước khi đặt làm, đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho anh T1 giữ. Mục đích T đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả là để làm tin cho khoản vay và xin giảm lãi suất chứ không có ý thức chiếm đoạt, không phải để cấn trừ, xóa bỏ khoản vay. Mặt khác, sau khi anh T1 phát hiện giấy chứng nhận là giả thì giữa T1 và T vẫn liên lạc được với

nhau và thỏa thuận việc trả nợ, T vẫn chấp hành triệu tập làm việc của Cơ quan điều tra. Do đó, Trần Đức T không phạm vào tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" hoặc "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Đức T phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Đức T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07.7.2023).

Giao bị cáo Trần Đức T cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Đức T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Thanh